

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Hồng H, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Q (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng C, B Q, Phường C, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 42A/2022/UQ-HĐQT ngày 01/6/2022)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1998 (có mặt) và ông Nguyễn Quang H1, sinh năm 1992 – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà V1, số B Q, Phường C, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 339/2022/UQ-VPB ngày 07 tháng 12 năm 2022)

2. Bị đơn:

- Ông Lê Trung B, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số A T, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A T, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Tuyết H2, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V; bản tự khai và tài phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H1 và ông Hoàng Văn T trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi Nhánh V2 – Phòng G có ký với ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 hợp đồng cho vay số LN2103043436444 ký ngày 10/03/2021 với nội dung:

- Số tiền cho vay: 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng);

- Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình;

- Thời hạn vay: 120 tháng;

- Lãi suất cho vay trong hạn: 10.5%/năm cố định trong 06 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 12/09/2021, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/10/2021; mức điều chỉnh lãi suất được áp dụng bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm. Từ ngày 05/9/2022 ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Dư nợ thực tế tính đến hết ngày 28/7/2023 theo hợp đồng cho vay tổng số tiền là 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) đồng, tiền lãi là 113.310.956 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Để đảm bảo cho hợp đồng vay ông **Lê Trung B** và bà **Lê Tuyết H2** thế chấp: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS897875 + CS897876, số vào sổ cấp GCN CS04163 do **sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 11/9/2019 cụ thể như sau: Thửa đất số 702, tờ bản đồ số 22, tọa lạc **phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố B** ngày 11/3/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông **B** bà **B1** đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay theo quy định. Mặc dù, ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho khách hàng trả nợ nhưng phía khách hàng vẫn không có ý thức trả dứt nợ cho ngân hàng.

Do đó, ngân hàng khởi kiện buộc ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** tính đến ngày 28/7/2023 tổng là: 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) đồng, tiền lãi là 113.310.956 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Từ ngày 29/7/2023, ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** còn phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **ngân hàng thương mại cổ phần V** đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS897875 + CS897876 , số vào sổ cấp GCN CS04163 do **sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 11/9/2019 đối với thửa đất số 702, tờ bản đồ số 22, tọa lạc **phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

*Bị đơn ông **Lê Trung B** trình bày:* Ông và bà **Nguyễn Thị B1** là vợ chồng hợp pháp, ông xác nhận vợ chồng ông có vay **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền vay ban đầu là 700.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số LN2103043436444 ký ngày 10/3/2021. Để đảm bảo khoản vay này, ông **B** và chị ruột ông là bà **Lê Tuyết H2** thế chấp tài sản quyền sử dụng đất thửa số 702, tờ bản đồ 22, tọa lạc **phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS897875 + CS897876, số vào sổ cấp GCN CS04163 do **sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 11/9/2019 đứng tên ông **Lê Trung B** và bà **Lê Tuyết H2**.

Thời gian đầu vợ chồng ông trả nợ đầy đủ, cụ thể ông B và bà B1 đã trả được cho Ngân hàng TMCP V số tiền 84.235.107 đồng tiền gốc và 84.609.436 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 05/9/2022 đến nay do dịch bệnh làm ăn khó khăn nên ông bà không có khả năng để trả nợ. Số nợ còn lại chưa trả ông B xác nhận đúng như ngân hàng trình bày, vợ chồng ông đồng ý trả nợ nhưng xin ngân hàng thời gian để xoay sở. Trường hợp ông B, bà B1 không trả nợ thì ông đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B1: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà B1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của bà B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tuyết H2: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H2 không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của bà H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Trung B đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn bà Nguyễn Thị B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không chấp hành. Việc xét xử vắng mặt bị đơn bà B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H2 là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP V, có thế chấp tài sản thừa đất số 702, tờ bản đồ số 22, tọa lạc phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đứng tên ông Lê Trung B và bà Lê Tuyết H2.

Đến nay ông B, bà B1 còn nợ tổng số tiền 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) đồng, tiền lãi là 113.310.956 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Ông B, bà B1 phải chịu theo quy định của pháp luật

Về án phí: Ông B, bà B1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 về khoản vay chưa thanh toán, mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình, không có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tuyết H2 đã được Tòa án triệu tập 2 lần hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, xét xử vắng mặt bà B1 và bà H2 là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 phải trả số tiền là 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng), tiền lãi là 113.310.956đ (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay số LN2103043436444 ngày 10/3/2021 được ký kết giữa ông Lê Trung B, bà Nguyễn Thị B1 với Ngân hàng TMCP V, thể hiện: Ông Lê Trung B, bà Nguyễn Thị B1 có vay số tiền 700.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP V, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng, trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 15/4/2021, số nợ gốc bên bị đơn phải trả hàng tháng là 5.834.000đ, riêng kỳ cuối cùng phải trả dứt nợ vay. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm, lãi suất có thể được điều chỉnh. Hợp đồng vay có chữ ký của ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1, Tòa án không lấy được lời khai của bà B1 nhưng ông B là chồng hợp pháp của bà B1 xác nhận khoản vay trên. Do đó khẳng định việc ông B, bà B1 vay số tiền của Ngân hàng nêu trên là đúng sự thật.

[2.2] Sau khi vay tiền ông B, bà B1 đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP V được 84.235.107 đồng tiền gốc và 84.609.436 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 05/9/2022 đến nay ông B, bà B1 không trả được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện là có căn cứ.

[2.3] Về tài sản bảo đảm: Bà Lê Tuyết H2, ông Lê Trung B ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của ông B và B1 tại Văn phòng C số công chứng 941 ngày 10/3/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS897875

+CS797876, sổ vào sổ cấp giấy CS04163 do sổ Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/9/2019 cho ông Lê Trung B và bà Lê Tuyết H2 đối với thửa đất số 702, tờ bản đồ 22 tọa lạc phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình giải quyết vụ án bà H2 cũng được Tòa án tổng đạt các văn bản, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có lời khai và cũng không có ý kiến phản hồi.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì căn nhà hiện không có ai ở, tại thời điểm thẩm định căn nhà không có gì khác so với thời điểm ngân hàng thẩm định cho vay.

Từ những phân tích nhận định nêu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) đồng, tiền lãi là 113.310.956 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Trường hợp ông B bà B1 không trả nợ cho ngân hàng hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ hết 5.000.000đ (năm triệu đồng), do nguyên đơn đã tạm ứng đủ nên bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn.

[2.5] Về án phí: Bị đơn ông Lê Trung B và bà Nguyễn Thị B1 phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1**.

1. Buộc bị đơn ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** phải có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** tổng số tiền là 729.075.849đ (bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 615.764.893đ (sáu trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) đồng, tiền lãi là 113.310.956 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm mười nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Trường hợp ông **B** bà **B1** không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS897875 +CS797876, sổ vào sổ cấp giấy CS04163 do **sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 11/9/2019 cho ông **Lê Trung B** và bà **Lê Tuyết H2** đối với thửa đất số 702, tờ bản đồ 22, tọa lạc **phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

+ Buộc ông **Lê Trung B** và bà **Nguyễn Thị B1** phải nộp 33.163.034đ (ba mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn không trăm ba mươi tư đồng).

+ Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền 15.272.000đ (mười lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005063 ngày 13/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2023). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nga